BỘ NGOẠI GIAO

HỌC VIỆN NGOẠI GIAO

THÔNG TIN TUYỂN SINH NĂM 2026

Hà Nội, tháng 05 năm 2026

MỤC LỤC

I. THÔNG TIN CHUNG.....1

1. Tên cơ sở đào tạo.....1

2. Mã cơ sở đào tạo trong tuyển sinh.....1

3. Địa chỉ.....1

4. Địa chỉ trang thông tin điện tử.....1

5. Số điện thoại liên hệ tuyển sinh.....1

6. Địa chỉ công khai quy chế tuyển sinh; thông tin tuyển sinh.....1

7. Địa chỉ công khai các thông tin về hoạt động của cơ sở đào tạo.....1

II. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY.....1

1. Đối tượng, điều kiện dự tuyển.....1

2. Mô tả phương thức tuyển sinh.....2

2.1. Phương thức 1: Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo (mã phương thức 301).....2

2.1.1. Đối tượng xét tuyển thẳng.....2

2.1.2. Đối tượng ưu tiên xét tuyển.....3

2.2. Phương thức 2: Xét tuyển kết hợp dựa trên Kết quả học tập THPT và Chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế đối với các thí sinh học chương trình THPT của Việt Nam (mã phương thức 410).....4

2.2.1. Đối tượng xét tuyển.....4

2.2.2. Điểm xét tuyển.....5

2.3. Phương thức 3: Xét tuyển kết hợp dựa trên Chứng chỉ đánh giá năng lực quốc tế và Chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế (mã phương thức 415).....6

2.3.1. Đối tượng xét tuyển.....6

2.3.2. Điểm xét tuyển.....6

2.4. Phương thức 4: Xét tuyển dựa trên Kết quả Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026 theo các tổ hợp môn (mã phương thức 100).....7

2.4.1. Đối tượng xét tuyển.....7

Bảng 1: Các tổ hợp xét tuyển vào các ngành theo phương thức dựa trên kết quả thi tốt nghiệp THPT.....8

2.4.2. Điểm xét tuyển.....10

Bảng 2: Bảng quy đổi điểm Chứng chỉ quốc tế theo thang điểm 10.....11

Bảng 3: Bảng quy đổi điểm Chứng chỉ đánh giá năng lực quốc tế theo thang điểm 20.....12

3. Quy tắc quy đổi độ lệch điểm ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp, phương thức tuyển sinh.....12

4. Chỉ tiêu tuyển sinh 13
Bảng 4: Các ngành đào tạo và dự kiến chỉ tiêu tuyển sinh 13
5. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào Học viện 14
5.1. Các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển 14
5.2. Điểm xét thưởng theo quy định của Học viện 14
Bảng 5: Bảng điểm cộng xét thưởng 15
6. Tổ chức tuyển sinh 15
6.1. Hồ sơ đăng ký xét tuyển 15
6.1.1. Đối với thí sinh đăng ký xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo (phương thức 1 - mục 2.1) 15
6.1.2. Đối với thí sinh xét tuyển kết hợp dựa trên kết quả học tập THPT và Chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế (phương thức 2 - mục 2.2): 16
6.1.3. Đối với thí sinh xét tuyển bằng Chứng chỉ đánh giá năng lực quốc tế và Chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế (phương thức 3 - mục 2.3): 16
6.1.4. Đối với thí đăng ký phương thức xét tuyển dựa trên Kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026 (phương thức 4 - mục 2.4): 17
6.2. Thời gian đăng ký và công bố kết quả 17
7. Chính sách ưu tiên 18
7.1. Chính sách ưu tiên chung 18
7.2. Xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển 18
8. Lệ phí xét tuyển 18
9. Việc cơ sở đào tạo thực hiện các cam kết đối với thí sinh 19
10. Các nội dung khác 19
10.1. Phương thức đào tạo 19
10.1.1. Chương trình đào tạo 19
10.1.2. Đăng ký xét tuyển vào các chương trình đào tạo giảng dạy bằng Tiếng Anh ... 20
10.1.3. Đội ngũ giảng viên 21
10.1.4. Cơ sở vật chất phục vụ hoạt động đào tạo 21
10.1.5. Chương trình hỗ trợ học tập 21
10.1.6. Học phần Ngoại ngữ tại Học viện 22
10.1.7. Chương trình đào tạo song bằng 22
10.1.8. Chương trình hướng nghiệp/ Thực tập 22
10.1.9. Chương trình trao đổi sinh viên... 23
10.1.10. Cơ hội việc làm 23
10.2. Chính sách học phí 23
10.3. Chính sách miễn, giảm học phí và học bổng 24

10.3.1. Chính sách miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên thuộc diện gia đình chính sách 24
10.3.2. Các chương trình học bổng dành cho sinh viên 25
10.4. Thông tin liên hệ và giải đáp thắc mắc trong quá trình đăng ký dự thi, đăng ký xét tuyển đại học hệ chính quy 26
11. Thông tin về tuyển sinh của 2 năm gần nhất....27
III. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC HỆ LIÊN KẾT QUỐC TẾ 30
1. Đối tượng, điều kiện dự tuyển 30
2. Mô tả phương thức tuyển sinh 30
3. Điểm xét tuyển 30
4. Chỉ tiêu tuyển sinh....31
5. Tổ chức tuyển sinh....31
5.1. Thời gian nhận hồ sơ và xét tuyển 31
5.2. Thời gian nhập học dự kiến....31
5.3. Quy trình nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển 32
6. Lệ phí xét tuyển, thi tuyển 32
7. Việc Học viện thực hiện các cam kết đối với thí sinh....33
8. Các nội dung khác 33
8.1. Văn bằng....33
8.2. Học phí 33
8.2.1. Chương trình liên kết với Đại học Victoria Wellington (New Zealand)....33
8.2.2. Chương trình liên kết với ĐH Monash (Úc) 33
8.2.3. Chương trình liên kết với ĐH Macquarie (Úc) 34
8.2.4. Chương trình liên kết với ĐH Flinders (Úc)....34
9. Thông tin liên hệ 34

BỘ NGOẠI GIAO
HỌC VIỆN NGOẠI GIAO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG TIN TUYỂN SINH NĂM 2026

(Hình thức đào tạo: Đại học hệ chính quy)

(Cập nhật ngày 18/05/2026)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở đào tạo: HỌC VIỆN NGOẠI GIAO

2. Mã cơ sở đào tạo trong tuyển sinh: HQT

3. Địa chỉ: Học viện Ngoại giao, số 69, phố Chùa Láng, phường Láng, Hà Nội

4. Địa chỉ trang thông tin điện tử: https://www.dav.edu.vn

5. Số điện thoại liên hệ tuyển sinh:

- Hotline: 0943.482.840 hoặc 0936.018.433
- Email: tuyensinh2026@dav.edu.vn

6. Địa chỉ công khai quy chế tuyển sinh; thông tin tuyển sinh:

- Website: https://www.dav.edu.vn
- Fanpage: Tư vấn Tuyển sinh Học viện Ngoại giao

7. Địa chỉ công khai các thông tin về hoạt động của cơ sở đào tạo: https://www.dav.edu.vn/thong-tin-cong-khai/

II. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY

1. Đối tượng, điều kiện dự tuyển

Thực hiện theo quy chế tuyển sinh đại học hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Bộ GDĐT), đối tượng dự tuyển vào Học viện được xác định tại thời điểm xét tuyển (trước khi công bố kết quả xét tuyển chính thức) bao gồm:

- Thí sinh đã được công nhận tốt nghiệp THPT của Việt Nam hoặc có bằng tốt nghiệp của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương, đáp ứng các điều kiện trong Thông tin tuyển sinh năm 2026 của Học viện.

- Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành.

- Có tổng điểm 03 môn thi kỳ thi tốt nghiệp THPT các năm theo tổ hợp xét tuyển (hoặc sử dụng điểm thi môn Toán, Ngữ văn và một môn thi khác) đạt tối thiểu 15 điểm theo thang điểm 30 (không tính điểm ưu tiên, điểm cộng; môn Ngoại ngữ không tính điểm quy đổi khi xét điều kiện này), áp dụng đối với thí sinh thi tốt nghiệp từ năm 2026. Điều kiện này không áp dụng đối với thí sinh được đặc cách xét tốt nghiệp THPT và thí sinh thuộc đối tượng Xét tuyển thẳng tại mục 2.1.1 của Thông tin tuyển sinh này.

- Đạt ngưỡng đầu vào theo quy định tại mục 3 của Thông tin tuyển sinh này.

- Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự xét tuyển theo quy định.

Đối với các ngành đào tạo có áp dụng đồng thời nhiều phương thức tuyển sinh, Học viện quy định cụ thể về đối tượng, điều kiện dự tuyển cho mỗi phương thức tuyển sinh.

Đối với thí sinh khuyết tật bị suy giảm khả năng học tập, Học viện thực hiện các biện pháp cần thiết và tạo điều kiện tốt nhất để thí sinh có nguyện vọng được đăng ký dự tuyển và theo học các ngành phù hợp với điều kiện sức khỏe của thí sinh.

2. Mô tả phương thức tuyển sinh

2.1. Phương thức 1: Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo (mã phương thức 301)

2.1.1. Đối tượng xét tuyển thẳng

a. Anh hùng lao động, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Chiến sĩ thi đua toàn quốc được tuyển thẳng vào các ngành, chương trình đào tạo do Học viện quy định.

b. Thí sinh đạt giải Nhất, Nhì, Ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, quốc tế do Bộ GDĐT tổ chức, cử tham gia ở các môn thuộc tổ hợp xét tuyển theo phương thức dựa trên Kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT của Học viện (gồm: Toán, Vật Lí, Hóa học, Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí, Tiếng Anh, Tiếng Pháp, Tiếng Trung, Tiếng Nhật, Tiếng Hàn) và môn Tin học, thời gian đạt giải không quá 03 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng được xét tuyển thẳng vào các ngành theo nguyện vọng đăng ký.

c. Căn cứ kết quả học tập cấp THPT của thí sinh và yêu cầu của ngành đào tạo, Học viện xem xét, quyết định nhận vào học đối với một trong những trường hợp dưới đây (trường hợp cần thiết kèm theo điều kiện thí sinh phải học 01 năm bổ sung kiến thức trước khi vào học chính thức):

(i) Thí sinh là người nước ngoài đã đạt chuẩn năng lực ngôn ngữ theo yêu cầu của chương trình đào tạo phù hợp với quy định của Bộ GDĐT (trình độ tiếng Việt tương đương B2 (bậc 4/6) trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt quy định tại Thông tư số 17/2015/TT-BGDĐT ngày 01/9/2015 của Bộ GDĐT).

(ii) Thí sinh là người Việt Nam học tập cấp THPT ở nước ngoài hoặc học tập chương trình giáo dục nước ngoài bằng tiếng nước ngoài ở Việt Nam đạt trình độ tương đương với trình độ THPT của Việt Nam[1], đáp ứng các điều kiện sau:

[1] Thí sinh cần thực hiện thủ tục công nhận văn bằng tương đương tại cơ quan có thẩm quyền. Đối với thí sinh xét tuyển sử dụng Chứng chỉ A-level dự thi trong tháng 06/2026 có thể nộp bản A-level Predicted Grades để đăng ký xét tuyển tạm thời. Thí sinh bắt buộc phải nộp Chứng chỉ A-level chính thức trước thời điểm xét tuyển trên Hệ thống của Bộ GDĐT theo quy định để đủ điều kiện xét tuyển.

- Đạt yêu cầu về ngoại ngữ của Học viện, cụ thể: ***Tiếng Anh:*** IELTS Academic từ 7.0 trở lên, hoặc TOEFL iBT từ 94 trở lên, hoặc các Chứng chỉ Cambridge English Qualifications từ 185 điểm trở lên, hoặc PTE-A từ 66 điểm trở lên, hoặc SAT[2] từ 1390 điểm trở lên, hoặc ACT[3] từ 31 điểm trở lên; ***Tiếng Pháp:*** từ DELF-B2 trở lên hoặc TCF tout public (5 bài thi: nghe hiểu, cấu trúc ngữ pháp, đọc hiểu, viết, nói) xếp loại chung từ B2 trở lên; ***Tiếng Trung Quốc:*** từ HSK 5 (mức điểm từ 220) trở lên; ***Tiếng Hàn Quốc:*** từ Topik 4 (mức điểm từ 170) trở lên; ***Tiếng Nhật Bản:*** từ JLPT N2 trở lên; ***Tiếng Đức****:* từ Goethe-Zertifikat B2 (mức điểm từ 272) trở lên và tương đương.

- Có kết quả học tập cấp THPT đạt tương đương mức Tốt của chương trình THPT của Việt Nam trở lên.

- Tham gia phỏng vấn và được Hội đồng tuyển sinh đánh giá Đạt phỏng vấn (dự kiến 6/10 điểm).

(iii) Thí sinh là người dân tộc thiểu số rất ít người theo quy định hiện hành của Chính phủ, có kết quả học tập bậc THPT từng năm lớp 10, 11, 12 đạt mức Tốt (đối với thí sinh học theo Chương trình THPT từ năm 2018); hoặc điểm trung bình chung kết quả học tập lớp 10, 11, 12 đạt 8.0 trở lên[4] (đối với thí sinh học theo Chương trình THPT trước năm 2018).

(iv) Thí sinh là người khuyết tật nặng có giấy xác nhận khuyết tật của cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định; có khả năng theo học một số chương trình đào tạo của Học viện nhưng không có khả năng dự tuyển theo phương thức tuyển sinh bình thường. Thí sinh cần có kết quả học tập bậc THPT từng năm lớp 10, 11, 12 đạt mức Tốt (đối với thí sinh học theo Chương trình THPT từ năm 2018); hoặc điểm trung bình chung kết quả học tập lớp 10, 11, 12 đạt 8.0 trở lên[3] (đối với thí sinh học theo Chương trình THPT trước năm 2018).

2.1.2. Đối tượng ưu tiên xét tuyển

a. Thí sinh đạt giải Nhất, Nhì, Ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, quốc tế do Bộ GDĐT tổ chức, cử tham gia ở các môn không thuộc tổ hợp xét tuyển theo phương thức dựa trên Kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT của Học viện, với thời gian đạt giải không quá 03 năm tính tới thời điểm xét tuyển, được ưu tiên xét tuyển vào các ngành theo nguyện vọng. Thí sinh cần đạt ngưỡng bảo đảm chất lượng đầu vào do Học viện quy định.

---

[2] Thí sinh thi SAT cần đăng ký mã của Học viện Ngoại giao với tổ chức thi SAT là **7488.**

[3] Thí sinh thi ACT cần đăng ký mã của Học viện Ngoại giao với tổ chức thi ACT là **8268**.

[4] (Điểm TBC cả năm lớp 10 + Điểm TBC cả năm lớp 11 + Điểm TBC cả năm lớp 12) /3.

b. Thí sinh đạt giải Nhất, Nhì, Ba kỳ thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, quốc tế do Bộ GDĐT tổ chức, cử tham gia, với thời gian đạt giải không quá 03 năm tính tới thời điểm xét tuyển, được Hội đồng tuyển sinh xem xét đánh giá và ưu tiên xét tuyển vào các ngành phù hợp với nội dung đề tài dự thi. Thí sinh cần đạt ngưỡng bảo đảm chất lượng đầu vào do Học viện quy định.

2.2. Phương thức 2: Xét tuyển kết hợp dựa trên Kết quả học tập THPT và Chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế đối với các thí sinh học chương trình THPT của Việt Nam (mã phương thức 410)

2.2.1. Đối tượng xét tuyển: Ngoài các điều kiện chung theo quy định, thí sinh cần đáp ứng đồng thời các điều kiện sau:

- Có kết quả học tập bậc THPT từng năm lớp 10, 11, 12 đạt mức Tốt (đối với thí sinh học theo Chương trình THPT từ năm 2018); hoặc điểm trung bình chung kết quả học tập lớp 10, 11, 12 đạt 8.0 trở lên[5] (đối với thí sinh học theo Chương trình THPT trước năm 2018);

- Có tổng điểm 03 môn thi tốt nghiệp THPT năm 2026 theo tổ hợp xét tuyển của phương thức dựa trên Kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT của Học viện (bao gồm cả điểm ưu tiên khu vực và đối tượng) đạt ngưỡng bảo đảm chất lượng đầu vào của Học viện (dự kiến từ 22.0 điểm trở lên[6], có thể điều chỉnh dựa trên thực tế phổ điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2026). Đối với các thí sinh tốt nghiệp trước năm 2026 thì điểm này được tính theo điểm thi của năm thí sinh dự thi tốt nghiệp;

- Có điểm trung bình chung kết quả học tập cả năm lớp 10, 11, 12 của từng môn trong 02 môn dùng để xét tuyển (không phải là ngoại ngữ) đạt từ 8.5 trở lên (làm tròn đến một chữ số thập phân);

- Có một trong các Chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế còn giá trị sử dụng tính đến ngày nộp hồ sơ xét tuyển sau đây:

  - ***Tiếng Anh:*** IELTS Academic từ 6.0 trở lên, hoặc TOEFL iBT từ 60 trở lên, hoặc PTE-A từ 46 điểm trở lên, hoặc các Chứng chỉ Cambridge English Qualifications từ 169 điểm trở lên.
  - ***Tiếng Pháp:*** từ DELF-B1 trở lên hoặc TCF tout public (5 bài thi: nghe hiểu, cấu trúc ngữ pháp, đọc hiểu, viết, nói) đạt xếp loại chung từ B1 trở lên.
  - ***Tiếng Trung Quốc:*** từ HSK 4 (mức điểm từ 260) trở lên.

[5] (Điểm TBC cả năm lớp 10 + Điểm TBC cả năm lớp 11 + Điểm TBC cả năm lớp 12) /3.
[6] Thí sinh có thể dùng điểm quy đổi Chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế theo quy định của Học viện thay thế cho điểm môn ngoại ngữ trong tổ hợp.

- ***Tiếng Hàn Quốc:*** từ Topik 3 trở lên.
- ***Tiếng Nhật Bản:*** từ JLPT N3 trở lên.
- ***Tiếng Đức***[7]***:*** Từ Goethe-Zertifikat B1 hoặc DSD I B1 trở lên.

Lưu ý: Học viện không chấp nhận các Chứng chỉ có hình thức thi "home edition"/ thi trực tuyến tại nhà.

2.2.2. Điểm xét tuyển

- Công thức tính điểm xét tuyển:

Điểm xét tuyển (tối đa bằng 30) = Tổng điểm đạt được + Điểm ưu tiên của Bộ GDĐT (nếu có)

Trong đó:

* Tổng điểm đạt được = M1 + M2 + M3 + Điểm xét thưởng của Học viện (nếu có)

- M1: Điểm quy đổi Chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế theo thang điểm 10 (chọn 01 Chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế có điểm quy đổi cao nhất trong số các ngoại ngữ: Tiếng Anh, Tiếng Pháp, Tiếng Trung, Tiếng Nhật, Tiếng Hàn, Tiếng Đức *(chi tiết xem Bảng 2)*.

- M2: Điểm kết quả học tập THPT môn Toán hoặc môn Ngữ Văn.

- M3: Điểm kết quả học tập THPT 01 môn bất kỳ (không phải môn Ngoại ngữ và M2) có trong các tổ hợp của phương thức dựa trên Kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT của Học viện (Ngữ Văn, Toán, Vật lí, Hóa học, Lịch sử, Địa lí).

[Điểm M2 hoặc M3 = (Điểm TB cả năm lớp 10 + Điểm TB cả năm lớp 11 + Điểm TB cả năm lớp 12 của môn tương ứng)/3]

- Điểm xét thưởng theo quy định của Học viện: áp dụng cho các thí sinh đạt giải học sinh giỏi bậc THPT *(chi tiết xem Bảng 5)*.

* Điểm ưu tiên theo quy định của Bộ GDĐT: bao gồm điểm ưu tiên theo đối tượng và điểm ưu tiên theo khu vực, được xác định theo Quy chế tuyển sinh hiện hành. Chính sách ưu tiên khu vực chỉ áp dụng đối với thí sinh tốt nghiệp THPT năm 2025 và 2026.

Điểm ưu tiên đối với thí sinh đạt tổng điểm đạt được từ 22.5 trở lên được xác định theo công thức:

Điểm ưu tiên = [(30 - Tổng điểm đạt được)/7.5] x Mức điểm ưu tiên theo quy định trong Quy chế tuyển sinh của Bộ GDĐT.

[7] Thí sinh sử dụng Chứng chỉ quốc tế tiếng Đức để xét tuyển, nếu trúng tuyển sẽ lựa chọn học một trong các Ngoại ngữ 1 đang được đào tạo tại Học viện Ngoại giao.

2.3. Phương thức 3: Xét tuyển kết hợp dựa trên Chứng chỉ đánh giá năng lực quốc tế và Chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế (mã phương thức 415)

2.3.1. Đối tượng xét tuyển: Ngoài các điều kiện chung theo quy định, thí sinh cần đáp ứng đồng thời các điều kiện sau:

- Tham gia Kỳ thi tốt nghiệp THPT của Việt Nam;

- Có một trong các Chứng chỉ đánh giá năng lực quốc tế còn giá trị sử dụng tính đến ngày nộp hồ sơ xét tuyển: Chứng chỉ SAT[8] từ 1330 điểm trở lên; hoặc Chứng chỉ ACT[9] từ 29 điểm trở lên;

- Có một trong các Chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế còn giá trị sử dụng tính đến ngày nộp hồ sơ xét tuyển sau đây:

  - ***Tiếng Anh:*** IELTS Academic từ 6.0 trở lên, hoặc TOEFL iBT từ 60 trở lên, hoặc PTE-A từ 46 điểm trở lên, hoặc các Chứng chỉ Cambridge English Qualifications từ 169 điểm trở lên.
  - ***Tiếng Pháp:*** từ DELF-B1 trở lên hoặc TCF tout public (5 bài thi: nghe hiểu, cấu trúc ngữ pháp, đọc hiểu, viết, nói) xếp loại chung từ B1 trở lên.
  - ***Tiếng Trung Quốc:*** từ HSK 4 (mức điểm từ 260) trở lên.
  - ***Tiếng Hàn Quốc:*** từ Topik 3 trở lên.
  - ***Tiếng Nhật Bản:*** từ JLPT N3 trở lên.
  - ***Tiếng Đức[10]:*** Từ Goethe-Zertifikat B1 hoặc DSD I B1 trở lên.

Lưu ý: Học viện không chấp nhận các Chứng chỉ có hình thức thi "home edition"/ thi trực tuyến tại nhà.

2.3.2. Điểm xét tuyển

- Công thức tính điểm xét tuyển:

Điểm xét tuyển (tối đa bằng 30) = Tổng điểm đạt được + Điểm ưu tiên của Bộ GDĐT (nếu có)

Trong đó:

* Tổng điểm đạt được = M1 + M2 + Điểm xét thưởng của Học viện (nếu có)

- M1: Điểm quy đổi Chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế theo thang điểm 10 (chọn 01 Chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế có điểm quy đổi cao nhất trong số các ngoại ngữ: Tiếng Anh, Tiếng Pháp, Tiếng Trung, Tiếng Nhật, Tiếng Hàn, Tiếng Đức *(chi tiết xem Bảng 2)*.

[8] Thí sinh thi SAT cần đăng ký mã của Học viện Ngoại giao với tổ chức thi SAT là **7488.**
[9] Thí sinh thi ACT cần đăng ký mã của Học viện Ngoại giao với tổ chức thi ACT là **8268.**
[10] Thí sinh sử dụng Chứng chỉ quốc tế tiếng Đức để xét tuyển, nếu trúng tuyển sẽ lựa chọn học một trong các Ngoại ngữ 1 đang được đào tạo tại Học viện Ngoại giao.

- M2: Điểm quy đổi Chứng chỉ đánh giá năng lực quốc tế SAT hoặc ACT theo thang điểm 20 *(chi tiết xem Bảng 3)*.

- Điểm xét thưởng theo quy định của Học viện: áp dụng cho các thí sinh đạt giải học sinh giỏi bậc THPT *(chi tiết xem Bảng 5)*.

* Điểm ưu tiên theo quy định của Bộ GDĐT: bao gồm điểm ưu tiên theo đối tượng và điểm ưu tiên theo khu vực, được xác định theo Quy chế tuyển sinh hiện hành. Chính sách ưu tiên khu vực chỉ áp dụng đối với thí sinh tốt nghiệp THPT năm 2025 và 2026.

Điểm ưu tiên đối với thí sinh đạt tổng điểm đạt được từ 22.5 trở lên được xác định theo công thức:

Điểm ưu tiên = [(30 - Tổng điểm đạt được)/7.5] x Mức điểm ưu tiên theo quy định trong Quy chế tuyển sinh của Bộ GDĐT.

2.4. Phương thức 4: Xét tuyển dựa trên Kết quả Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026 theo các tổ hợp môn (mã phương thức 100)

2.4.1. Đối tượng xét tuyển

Thí sinh cần tham dự Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026 do Bộ GDĐT tổ chức, và đáp ứng các điều kiện trong Thông tin tuyển sinh năm 2026 của Học viện.

* Đối với phương thức xét tuyển này Học viện không sử dụng kết quả điểm thi được bảo lưu từ các kỳ thi tốt nghiệp THPT, kỳ thi THPT quốc gia các năm trước để xét tuyển; không cộng điểm ưu tiên thí sinh có chứng chỉ nghề.

Bảng 1: Các tổ hợp xét tuyển vào các ngành theo phương thức dựa trên kết quả thi tốt nghiệp THPT

Mã xét tuyển	Tên ngành	Mã ngành	Tổ hợp môn xét tuyển theo phương thức dựa trên kết quả thi tốt nghiệp THPT												
			A00	A01	C00	D01	D03	D04	DD2	D06	D07	D09	D10	D14	D15
HQT01	Quan hệ quốc tế	7310206	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
HQT02	Ngôn ngữ Anh	7220201		✓		✓					✓	✓	✓	✓	✓
HQT03	Kinh tế quốc tế	7310106	✓	✓		✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓		
HQT04	Luật quốc tế	7380108	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
HQT05	Truyền thông quốc tế	7320107	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
HQT06	Kinh doanh quốc tế	7340120	✓	✓		✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓		
HQT07	Luật thương mại quốc tế	7380109	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
HQT08	Hàn Quốc học	7310614	✓	✓	✓	✓			✓		✓	✓	✓	✓	✓
HQT09	Hoa Kỳ học	7310640	✓	✓	✓	✓					✓	✓	✓	✓	✓
HQT10	Nhật Bản học	7310613	✓	✓	✓	✓				✓	✓	✓	✓	✓	✓
HQT11	Trung Quốc học	7310612	✓	✓	✓	✓		✓			✓	✓	✓	✓	✓

Trong đó:

Tổ hợp A00: Toán, Vật lí, Hóa học

Tổ hợp A01: Toán, Vật lí, Tiếng Anh

Tổ hợp C00: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí

Tổ hợp D01: Ngữ Văn, Toán, Tiếng Anh

Tổ hợp D03: Ngữ Văn, Toán, Tiếng Pháp

Tổ hợp D04: Ngữ Văn, Toán, Tiếng Trung

Tổ hợp D06: Ngữ Văn, Toán, Tiếng Nhật

Tổ hợp DD2: Ngữ Văn, Toán, Tiếng Hàn

Tổ hợp D07: Toán, Hóa học, Tiếng Anh

Tổ hợp D09: Toán, Lịch sử, Tiếng Anh

Tổ hợp D10: Toán, Địa lí, Tiếng Anh

Tổ hợp D14: Ngữ Văn, Lịch sử, Tiếng Anh

Tổ hợp D15: Ngữ Văn, Địa lí, Tiếng Anh

*(*Lưu ý: các tổ hợp xét tuyển có thể thay đổi theo năm tuyển sinh)*

2.4.2. Điểm xét tuyển

- Công thức tính điểm xét tuyển:

Điểm xét tuyển (tối đa bằng 30) = Tổng điểm đạt được + Điểm ưu tiên của Bộ GDĐT (nếu có)

Trong đó:

* Tổng điểm đạt được = M1 + M2 + M3 + Điểm xét thưởng của Học viện (nếu có)

- M1, M2, M3: điểm 03 môn thi tốt nghiệp THPT năm 2026 theo tổ hợp xét tuyển của Học viện.

Lưu ý:[11] Đối với các tổ hợp xét tuyển có môn Ngoại ngữ, điểm môn Ngoại ngữ của thí sinh khi xét tuyển vào Học viện theo phương thức này có thể được xét theo 1 trong 2 cách:

(1) Sử dụng điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2026 môn Ngoại ngữ tương ứng trong tổ hợp xét tuyển theo quy định của Học viện; hoặc:

(2) Thay thế điểm thi môn Ngoại ngữ trong tổ hợp bằng điểm quy đổi từ Chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế theo quy định của Học viện *(chi tiết xem Bảng 2)*.

Học viện chấp nhận Chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế (thuộc các ngoại ngữ: Tiếng Anh, Tiếng Đức, Tiếng Hàn Quốc, Tiếng Nhật Bản, Tiếng Pháp và Tiếng Trung Quốc) không trùng với ngoại ngữ trong tổ hợp gốc. Ví dụ: Thí sinh có thể dùng Chứng chỉ tiếng Hàn Topik để quy đổi điểm ngoại ngữ thay thế cho môn Tiếng Anh trong tổ hợp A01, D09, D10 ....

Thí sinh cần nộp Chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế về Học viện theo hướng dẫn. Khi xét tuyển, hệ thống sẽ tự động đối chiếu và lựa chọn phương án điểm Ngoại ngữ có lợi hơn cho thí sinh.

- Điểm xét thưởng theo quy định của Học viện: áp dụng cho các thí sinh đạt giải học sinh giỏi bậc THPT *(chi tiết xem Bảng 5)*.

* Điểm ưu tiên theo quy định của Bộ GDĐT: bao gồm điểm ưu tiên theo đối tượng và điểm ưu tiên theo khu vực, được xác định theo Quy chế tuyển sinh hiện hành. Chính sách ưu tiên khu vực chỉ áp dụng đối với thí sinh tốt nghiệp THPT năm 2025 và 2026.

Điểm ưu tiên đối với thí sinh đạt tổng điểm đạt được từ 22.5 trở lên được xác định theo công thức:

Điểm ưu tiên = [(30 - Tổng điểm đạt được)/7.5] x Mức điểm ưu tiên theo quy định trong Quy chế tuyển sinh của Bộ GDĐT.

[11] Thí sinh cần nghiên cứu Khoản 2, Điều 39 Quy chế thi tốt nghiệp THPT về việc miễn thi môn Ngoại ngữ trong xét tốt nghiệp THPT.

Bảng 2

Bảng quy đổi điểm Chứng chỉ quốc tế theo thang điểm 10

Chứng chỉ quốc tế					Quy đổi theo thang điểm 10
1. Tiếng Anh	**IELTS**	**Cambridge English Scale**	**TOEFL iBT**	**PTE-A**	
	6.0	169 - 175	60 - 78	46 - 55	8.0
	6.5	176 - 184	79 - 93	56 - 65	8.5
	7.0	185 - 190	94 - 101	66 - 75	9.0
	7.5	191 - 199	102 - 109	76 - 83	9.5
	8.0-9.0	200 - 230	110 - 120	84 - 90	10
2. Tiếng Pháp	**TCF tout public** *(05 bài thi: nghe hiểu, cấu trúc ngữ pháp, đọc hiểu, viết, nói)*		**DELF/DALF**		
	Xếp loại chung B1		DELF-B1		8.5
	Xếp loại chung B2 (Score QCM 400-460)		DELF-B2 (Mức điểm dưới 70)		9.0
	Xếp loại chung B2 (Score QCM 461-499)		DELF-B2 (Mức điểm từ 70)		9.5
	Xếp loại chung C1/C2		DALF-C1/C2		10
3. Tiếng Trung Quốc	HSK4 (Mức điểm từ 260 - 300)				8.0
	HSK5 (Mức điểm từ 180 - 219)				8.5
	HSK5 (Mức điểm từ 220 - 259)				9.0
	HSK5 (Mức điểm từ 260 - 300)				9.5
	HSK6				10
4. Tiếng Nhật Bản	JLPT N3 (Mức điểm dưới 130)				8.0
	JLPT N3 (Mức điểm từ 130)				8.5
	JLPT N2 (Mức điểm dưới 130)				9.0
	JLPT N2 (Mức điểm từ 130)				9.5
	JLPT N1				10
5. Tiếng Hàn Quốc	Topik 3 (Mức điểm từ 135 - 149)				8.0
	Topik 4 (Mức điểm từ 150 - 169)				8.5
	Topik 4 (Mức điểm từ 170 - 189)				9.0
	Topik 5 (Mức điểm từ 190 - 209)				9.5
	Topik 5 (Mức điểm từ 210 - 229)				10
	Topik 6				10
6. Tiếng Đức	**Goethe-Zertifikat**		**DSD**		
	B1		DSD I (B1)		8.0
	B2 (272-335)				9.0
	B2 (>335)		DSD II (B2)		9.5
	Từ C1		DSD II (C1)		10

Bảng 3

Bảng quy đổi điểm Chứng chỉ đánh giá năng lực quốc tế theo thang điểm 20

Chứng chỉ đánh giá năng lực quốc tế		Quy đổi theo thang điểm 20
SAT	**ACT**	
1330 - 1350	29	17.0
1360 - 1380	30	17.5
1390 - 1410	31	18.0
1420 - 1440	32	18.5
1450 - 1480	33	19.0
1490 - 1520	34	19.5
1530 - 1560	35	19.75
1570 - 1600	36	20

3. Quy tắc quy đổi độ lệch điểm ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp, phương thức tuyển sinh

- Ngưỡng đầu vào: Học viện sẽ công bố ngưỡng bảo đảm chất lượng đầu vào sau khi có kết quả thi tốt nghiệp THPT theo kế hoạch chung của Bộ GDĐT, trong đó:

+ Đối với thí sinh Ưu tiên xét tuyển *(phương thức 1 - mục 2.1.2),* thí sinh xét tuyển kết hợp dựa trên Kết quả học tập THPT và Chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế *(phương thức 2 - mục 2.2)*, thí sinh xét tuyển dựa trên Kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026 *(phương thức 4 - mục 2.4)*: Ngưỡng bảo đảm chất lượng đầu vào được xác định dựa trên tổng điểm của 03 môn trong tổ hợp bất kỳ của phương thức xét tuyển dựa trên Kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026 của Học viện (dự kiến là 22 điểm).

+ Đối với thí sinh tốt nghiệp THPT trước năm 2026 đăng ký xét tuyển theo *phương thức 2 - mục 2.2*: Ngưỡng bảo đảm chất lượng đầu vào được áp dụng theo ngưỡng bảo đảm chất lượng đầu vào của Học viện tại năm thí sinh tốt nghiệp.

+ Đối với thí sinh xét tuyển kết hợp dựa trên Chứng chỉ đánh giá năng lực quốc tế và Chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế *(phương thức 3 - mục 2.3)*: Ngưỡng bảo đảm chất lượng đầu vào được xác định dựa trên tổng điểm xét tuyển sau khi quy đổi (dự kiến là 25 điểm).

+ Riêng đối với thí sinh đăng ký ngành Luật quốc tế và Luật thương mại quốc tế: Thí sinh cần đáp ứng thêm ngưỡng bảo đảm chất lượng đầu vào theo Khoản 2 Điều 9 Thông tư số 06/2026/TT-BGDĐT ngày 15/02/2026 của Bộ GDĐT ban hành Quy chế tuyển sinh các ngành đào tạo trình độ đại học và ngành Giáo dục Mầm non trình độ cao đẳng.

***Lưu ý*:** *Thí sinh có thể sử dụng điểm quy đổi Chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế theo quy định của Học viện để tính ngưỡng bảo đảm chất lượng đầu vào.*

- Điểm trúng tuyển

+ Điểm trúng tuyển của tất cả các phương thức xét tuyển được quy về thang điểm 30 và làm tròn đến hai chữ số thập phân. Trong đó, điểm cộng (nếu có) bao gồm điểm xét thưởng của Học viện và điểm ưu tiên của Bộ GDĐT không quá 03 điểm và tổng điểm xét tuyển không quá 30 điểm.

+ Học viện sẽ thực hiện quy đổi độ lệch điểm trúng tuyển giữa các phương thức, các tổ hợp xét tuyển theo hướng dẫn của Bộ GDĐT và công bố theo kế hoạch chung của Bộ GDĐT, muộn nhất cùng thời gian công bố ngưỡng bảo đảm chất lượng đầu vào.

- Độ lệch điểm giữa các tổ hợp môn xét tuyển theo phương thức dựa trên Kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026 (phương thức 4 - mục 2.4): Dự kiến như sau:

+ Tổ hợp môn xét tuyển A00 thấp hơn tổ hợp môn xét tuyển D01 từ 1.0 - 2.0 điểm.

+ Tổ hợp môn xét tuyển C00 cao hơn tổ hợp môn xét tuyển D01 từ 1.0 - 3.0 điểm.

Ngoài ra, độ lệch của các tổ hợp khác (nếu có) sẽ căn cứ trên thực tế phổ điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2026.

- Nguyên tắc xét tuyển

+ Xét tuyển theo ngành đào tạo, theo nguyên tắc lấy điểm xét tuyển từ cao xuống thấp cho đến đủ chỉ tiêu. Thí sinh được xét bình đẳng theo điểm xét tuyển, không phân biệt thứ tự của nguyện vọng đăng ký, trừ trường hợp các thí sinh bằng điểm xét tuyển ở cuối danh sách thì Học viện sử dụng tiêu chí phụ để xét tuyển *(chi tiết xem tại mục 5.1)*. Thí sinh chỉ được trúng tuyển vào nguyện vọng cao nhất trong danh sách các nguyện vọng đã đăng ký;

+ Thí sinh có thể đăng ký xét tuyển theo các phương thức khác nhau nếu đáp ứng đầy đủ các tiêu chí theo quy định;

+ Thí sinh được đăng ký tối đa 15 nguyện vọng vào các chương trình đào tạo của các cơ sở đào tạo khác nhau và phải sắp xếp nguyện vọng theo thứ tự ưu tiên từ cao xuống thấp (nguyện vọng 1 là nguyện vọng cao nhất).

4. Chỉ tiêu tuyển sinh

Bảng 4: Các ngành đào tạo và dự kiến chỉ tiêu tuyển sinh

Mã xét tuyển	Tên ngành	Mã ngành	Chỉ tiêu	Phương thức tuyển sinh
HQT01	Quan hệ quốc tế	7310206	**400**	- *Phương thức 1*: Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo quy định của Bộ GDĐT.
HQT02	Ngôn ngữ Anh	7220201	**200**	
HQT03	Kinh tế quốc tế	7310106	**260**	

Mã xét tuyển	Tên ngành	Mã ngành	Chỉ tiêu	Phương thức tuyển sinh
HQT04	Luật quốc tế	7380108	**200**	- *Phương thức 2*: Xét tuyển kết hợp dựa trên Kết quả học tập THPT và Chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế. - *Phương thức 3*: Xét tuyển kết hợp dựa trên Chứng chỉ đánh giá năng lực quốc tế và Chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế. - *Phương thức 4*: Xét tuyển dựa trên Kết quả Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026.
HQT05	Truyền thông quốc tế	7320107	**400**	
HQT06	Kinh doanh quốc tế	7340120	**260**	
HQT07	Luật thương mại quốc tế	7380109	**200**	
HQT08	Hàn Quốc học	7310614	**80**	
HQT09	Hoa Kỳ học	7310640	**40**	
HQT10	Nhật Bản học	7310613	**40**	
HQT11	Trung Quốc học	7310612	**120**	
Tổng chỉ tiêu			**2200**	

* **Chương trình giảng dạy bằng tiếng Anh**: Ngoài các chương trình giảng dạy bằng Tiếng Việt, Học viện tổ chức các chương trình đào tạo giảng dạy bằng tiếng Anh đối với các ngành: Quan hệ quốc tế, Kinh tế quốc tế, Luật quốc tế, Truyền thông quốc tế, Kinh doanh quốc tế, Luật thương mại quốc tế. Trong số chỉ tiêu của mỗi ngành này, thí sinh sau khi trúng tuyển - nếu có nguyện vọng sẽ đăng ký xét tuyển vào chương trình đào tạo giảng dạy bằng Tiếng Anh dựa trên điểm Chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế/Chứng chỉ đánh giá năng lực quốc tế và bài phỏng vấn đầu vào bằng Tiếng Anh *(chi tiết xem Hướng dẫn nhập học)*. Dự kiến chỉ tiêu mỗi chương trình đào tạo giảng dạy bằng Tiếng Anh là 30 - 50 sinh viên/tổng chỉ tiêu mỗi ngành.

5. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào Học viện

5.1. Các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển

Trường hợp nhiều thí sinh có cùng điểm xét ở cuối danh sách, việc xác định trúng tuyển được thực hiện theo thứ tự ưu tiên sau: (i) thí sinh có điểm cộng thấp hơn; (ii) trường hợp có điểm cộng bằng nhau, xét thí sinh có thứ tự nguyện vọng cao hơn.

5.2. Điểm xét thưởng theo quy định của Học viện

Đối với các phương thức (2), (3), (4) thí sinh được cộng điểm xét thưởng theo quy định của Học viện nếu đạt giải trong các kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp THPT, cụ thể như sau:

Bảng 5

Bảng điểm cộng xét thưởng

Quy định chung: *- Thí sinh đạt giải Nhất, Nhì, Ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, quốc tế hoặc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, quốc tế do Bộ GDĐT tổ chức, cử tham gia thuộc đối tượng xét tuyển theo phương thức Xét tuyển thẳng và Ưu tiên xét tuyển theo quy định của Bộ GDĐT, không thuộc đối tượng nhận điểm xét thưởng ở mục này;* *- Chỉ áp dụng với các môn thuộc tổ hợp xét tuyển của Học viện (Toán, Vật Lí, Hóa học, Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí, Tiếng Anh, Tiếng Pháp, Tiếng Trung, Tiếng Nhật, Tiếng Hàn) và môn Tin học, Tiếng Đức;* *- Thời gian đạt giải không quá 03 năm tính tới thời điểm xét tuyển;* *- Trường hợp đạt nhiều giải, thí sinh chỉ được hưởng một mức điểm cộng xét thưởng cao nhất;* *- Không chấp nhận giải học sinh giỏi ngoại ngữ được quy đổi từ Chứng chỉ quốc tế.*		
STT	**Đối tượng/Thành tích**	**Điểm xét thưởng**
1	Đạt giải Khuyến khích/ Giải Tư trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia hoặc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia do Bộ GDĐT tổ chức (Nội dung đề tài dự thi của thí sinh được Hội đồng tuyển sinh đánh giá là phù hợp).	0.8
2	Đạt giải trong các kỳ thi học sinh giỏi cấp tỉnh/thành phố, hoặc các kỳ thi học sinh giỏi do các đơn vị sau tổ chức và cấp giấy chứng nhận hợp lệ: Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, Đại học Huế, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh, Trường Đại học Vinh, Trường phổ thông Vùng cao Việt Bắc.	
	Giải Nhất	0.6
	Giải Nhì	0.4
	Giải Ba	0.2

6. Tổ chức tuyển sinh

Học viện Ngoại giao xét tuyển theo kế hoạch tuyển sinh chung năm 2026 của Bộ GDĐT.

6.1. Hồ sơ đăng ký xét tuyển

6.1.1. Đối với thí sinh đăng ký xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo (phương thức 1 - mục 2.1)

** Hồ sơ gồm có:*

- Phiếu đăng ký xét tuyển (thí sinh tải Phiếu trên Cổng thông tin tuyển sinh của Học viện và thực hiện theo hướng dẫn);

- Bản gốc/ Bản sao được chứng thực:
  - Giấy chứng nhận đạt giải trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, quốc tế hoặc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, quốc tế; hoặc Giấy chứng nhận thuộc đối tượng xét tuyển thẳng khác.
  - Chứng nhận đạt chuẩn năng lực tiếng Việt tương đương B2 (bậc 4/6) trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt đối với thí sinh thuộc đối tượng (i) tại điểm (c) thuộc mục 2.1.1.
  - Chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế và học bạ/kết quả học tập THPT có xác nhận của trường THPT được công nhận bởi cơ quan có thẩm quyền đối với thí sinh thuộc đối tượng (ii) tại điểm (c) thuộc mục 2.1.1
  - Học bạ THPT đối với thí sinh thuộc đối tượng (iii) và (iv) tại điểm (c) thuộc mục 2.1.1.

Lưu ý: Thí sinh thuộc đối tượng *được xét tuyển thẳng vào các ngành theo nguyện vọng đăng ký* thì KHÔNG đăng ký xét tuyển ở các phương thức khác.

6.1.2. Đối với thí sinh xét tuyển kết hợp dựa trên kết quả học tập THPT và Chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế (phương thức 2 - mục 2.2):

** Hồ sơ gồm có:*

- Phiếu đăng ký xét tuyển (thí sinh tải Phiếu trên Cổng thông tin tuyển sinh của Học viện và thực hiện theo hướng dẫn);
- Bản gốc/Bản sao được chứng thực:
  - Chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế hoặc Phiếu kết quả thi được chuyển từ đơn vị tổ chức thi tới Hội đồng tuyển sinh Học viện Ngoại giao;
  - Học bạ THPT;
  - Các giấy tờ chứng minh thí sinh thuộc đối tượng được cộng điểm xét thưởng theo quy định của Học viện (nếu có) *(chi tiết xem Bảng 5)*;
  - Các giấy tờ ưu tiên khác theo quy định của Bộ GDĐT (nếu có).

6.1.3. Đối với thí sinh xét tuyển bằng Chứng chỉ đánh giá năng lực quốc tế và Chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế (phương thức 3 - mục 2.3):

** Hồ sơ gồm có:*

- Phiếu đăng ký xét tuyển (thí sinh tải Phiếu trên Cổng thông tin tuyển sinh của Học viện và thực hiện theo hướng dẫn);
- Bản gốc/Bản sao được chứng thực:
  - Chứng chỉ đánh giá năng lực quốc tế hoặc Phiếu kết quả thi được chuyển từ đơn vị tổ chức thi tới Hội đồng tuyển sinh Học viện Ngoại giao;
  - Chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế;

- Các giấy tờ chứng minh thí sinh thuộc đối tượng được cộng điểm xét thưởng theo quy định của Học viện *(chi tiết xem Bảng 5)*;
- Các giấy tờ ưu tiên khác theo quy định của Bộ GDĐT (nếu có).

6.1.4. Đối với thí sinh đăng ký phương thức xét tuyển dựa trên Kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026 (phương thức 4 - mục 2.4):

** Hồ sơ gồm có:*

- Phiếu đăng ký xét tuyển (thí sinh tải Phiếu trên Cổng thông tin tuyển sinh của Học viện và thực hiện theo hướng dẫn);
- Bản gốc/Bản sao được chứng thực:
  - Chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế hoặc Phiếu kết quả thi được chuyển từ đơn vị tổ chức thi tới Hội đồng tuyển sinh Học viện Ngoại giao (nếu có nguyện vọng dùng Chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế thay thế cho điểm thi tốt nghiệp môn ngoại ngữ);
  - Các giấy tờ chứng minh thí sinh thuộc đối tượng được cộng điểm xét thưởng theo quy định của Học viện (nếu có) *(chi tiết xem Bảng 5)*;
  - Các giấy tờ ưu tiên khác theo quy định của Bộ GDĐT (nếu có).

6.2. Thời gian đăng ký và công bố kết quả

<table>
<tr><th>Phương thức</th><th>Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo quy định của Bộ GDĐT
(phương thức 1 - mục 2.1)</th><th>Xét tuyển kết hợp dựa trên kết quả học tập THPT và Chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế
(phương thức 2 - mục 2.2)</th><th>Xét tuyển bằng Chứng chỉ đánh giá năng lực quốc tế và Chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế
(phương thức 3 - mục 2.3)</th><th>Xét tuyển dựa trên Kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026
(phương thức 4 - mục 2.4)</th></tr>
<tr><td>Đăng ký trực tuyến trên Cổng thông tin tuyển sinh của Học viện
(https://xettuyen.dav.edu.vn)</td><td colspan="4">Từ ngày 06/6 đến 17h00 ngày 20/6/2026
(Riêng đối với thí sinh thuộc đối tượng xét tuyển thẳng (ii) tại điểm (c) thuộc mục 2.1.1 sẽ cần tham gia phỏng vấn từ ngày 21-28/06/2026, thời gian cụ thể sẽ được Hội đồng tuyển sinh thông báo cho thí sinh)</td></tr>
<tr><td>Đăng ký trực tuyến trên Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT hoặc trên Cổng dịch vụ công Quốc gia</td><td colspan="4">Theo kế hoạch tuyển sinh chung của Bộ GDĐT
(dự kiến từ ngày 02/07 đến 17h00 ngày 14/07/2026)</td></tr>
<tr><td>Công bố kết quả xét tuyển</td><td>Trước ngày 30/06/2026</td><td colspan="3">Trước 17h00 ngày 13/08/2026</td></tr>
<tr><td>Xác nhận nhập học trực tuyến trên Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT hoặc trên Cổng dịch vụ công Quốc gia</td><td colspan="4">Trước 17h00 ngày 21/08/2026</td></tr>
</table>

LƯU Ý CHUNG:

- Thí sinh có trách nhiệm cung cấp đầy đủ và đảm bảo về tính chính xác của tất cả thông tin và các giấy tờ minh chứng phục vụ xét tuyển. Kết quả xét tuyển được quyết định trên cơ sở thông tin do thí sinh cung cấp. Sau quá trình hậu kiểm, Học viện bảo lưu quyền thay đổi kết quả xét tuyển nếu phát hiện sai sót, nhầm lẫn trong hồ sơ thí sinh cung cấp.

- Ngoài việc đăng ký theo quy định của Học viện, tất cả thí sinh đăng ký xét tuyển vào Học viện cần thực hiện đăng ký xét tuyển trên hệ thống Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT (hoặc trên Cổng dịch vụ công quốc gia) theo kế hoạch chung và hướng dẫn của Bộ GDĐT.

- Kế hoạch tuyển sinh có thể thay đổi tùy thuộc vào hướng dẫn của Bộ GDĐT. Đề nghị thí sinh thường xuyên theo dõi trên các trang thông tin điện tử chính thức của Học viện để được cập nhật.

- Trong quá trình đăng ký xét tuyển tại Cổng thông tin tuyển sinh của Học viện tại địa chỉ website: https://xettuyen.dav.edu.vn, nếu thí sinh có thắc mắc hoặc gặp các vấn đề liên quan đến kỹ thuật có thể liên hệ bộ phận tuyển sinh của Học viện theo thông tin tại mục 10.4 để được hỗ trợ.

- Tổ chức đăng ký và xét tuyển bổ sung (nếu có): Từ ngày 22/8/2026.

7. Chính sách ưu tiên

7.1. Chính sách ưu tiên chung

Học viện áp dụng chính sách ưu tiên chung theo khu vực và đối tượng tại Quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ GDĐT.

7.2. Xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển

Học viện thực hiện xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển theo các quy định hiện hành của Bộ GDĐT và Quy chế tuyển sinh của Học viện (mục 2.1).

8. Lệ phí xét tuyển

- Đối với phương thức xét tuyển dựa trên kết quả Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026 (phương thức 4): Theo quy định hiện hành của Bộ GDĐT.

- Đối với các phương thức (1), (2), (3):

  - Mức thu lệ phí:
    - 100.000 đồng (Một trăm ngàn đồng) cho nguyện vọng đầu tiên.
    - 20.000 đồng (Hai mươi ngàn đồng) cho mỗi nguyện vọng tiếp theo.
  - Phương thức thu lệ phí: Chuyển khoản qua mã thanh toán/Quét QR thanh toán:

    + Tên tài khoản: Học viện Ngoại giao

    + Số tài khoản: Mã thanh toán của thí sinh trên hệ thống (thí sinh xem hướng dẫn thanh toán trên hệ thống)

+ Ngân hàng: BIDV chi nhánh Tràng An

+ Nội dung chuyển khoản: Họ và tên thí sinh [khoảng trắng] Mã thanh toán của thí sinh trên hệ thống

Ví dụ: Sinh viên Nguyễn Văn A có mã thanh toán trên hệ thống là 010904829. Nội dung chuyển khoản là: Nguyen Van A 010904829

* Lưu ý: Sau khi đóng lệ phí xét tuyển, thí sinh cần kiểm tra lại để đảm bảo đã đóng lệ phí đúng quy định và được hệ thống thông báo ghi nhận thí sinh đã hoàn thành đóng lệ phí. Đến thời điểm kết thúc đăng ký, nếu thí sinh không đóng lệ phí xét tuyển hoặc thực hiện không đúng dẫn đến hệ thống không ghi nhận đã đóng lệ phí xét tuyển, xem như thí sinh từ bỏ việc đăng ký xét tuyển trên hệ thống của Học viện.

9. Việc cơ sở đào tạo thực hiện các cam kết đối với thí sinh

Học viện cam kết bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong trường hợp rủi ro theo pháp luật hiện hành của nhà nước, theo quy chế tuyển sinh của Bộ GDĐT và của Học viện.

10. Các nội dung khác

10.1. Phương thức đào tạo

Với bề dày lịch sử và kinh nghiệm đào tạo của hơn 65 năm, Học viện Ngoại giao xây dựng và triển khai các chương trình đào tạo theo tiêu chuẩn khu vực và quốc tế, nhằm trang bị kiến thức, kỹ năng và phẩm chất toàn diện cho người học, bảo đảm đáp ứng yêu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao trong bối cảnh hội nhập. Cụ thể như sau:

10.1.1. Chương trình đào tạo: Các chương trình đào tạo tiên tiến, cập nhật, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của thị trường lao động, trong đó 07 chương trình gồm *Quan hệ quốc tế, Kinh tế quốc tế, Kinh doanh quốc tế, Luật quốc tế, Luật Thương mại quốc tế, Truyền thông quốc tế và Ngôn ngữ Anh* đã được công nhận đạt tiêu chuẩn quốc tế FIBAA; các chương trình *Hoa Kỳ học, Trung Quốc học, Nhật Bản học, Hàn Quốc học* được phát triển trên nền tảng chương trình *Châu Á - Thái Bình Dương học* cũng đã được kiểm định theo tiêu chuẩn quốc tế FIBAA.

- Cụ thể như sau:

  - Ngành Quan hệ quốc tế: https://dav.edu.vn/chuong-trinh-dao-tao-cu-nhan-nganh-quan-he-quoc-te-16086/
  - Ngành Ngôn ngữ Anh: https://dav.edu.vn/chuong-trinh-dao-tao-cu-nhan-nganh-ngon-ngu-anh-16159/
  - Ngành Kinh tế quốc tế: https://dav.edu.vn/chuong-trinh-dao-tao-cu-nhan-nganh-kinh-te-quoc-te-16153/

- Ngành Luật quốc tế: https://dav.edu.vn/chuong-trinh-dao-tao-cu-nhan-nganh-luat-quoc-te-16156/
- Ngành Truyền thông quốc tế: https://dav.edu.vn/chuong-trinh-dao-tao-cu-nhan-nganh-truyen-thong-quoc-te-16151/
- Ngành Kinh doanh quốc tế: https://dav.edu.vn/chuong-trinh-dao-tao-cu-nhan-nganh-kinh-doanh-quoc-te/
- Ngành Luật thương mại quốc tế: https://dav.edu.vn/chuong-trinh-dao-tao-cu-nhan-nganh-luat-thuong-mai-quoc-te/
- Ngành Hàn Quốc học: https://dav.edu.vn/chuong-trinh-dao-tao-cu-nhan-nganh-han-quoc-hoc/
- Ngành Hoa Kỳ học: https://dav.edu.vn/chuong-trinh-dao-tao-cu-nhan-nganh-hoa-ky-hoc/
- Ngành Nhật Bản học: https://dav.edu.vn/chuong-trinh-dao-tao-cu-nhan-nganh-nhat-ban-hoc/
- Ngành Trung Quốc học: https://dav.edu.vn/chuong-trinh-dao-tao-cu-nhan-nganh-trung-quoc-hoc/

- Chương trình đào tạo các ngành được định kỳ đánh giá, điều chỉnh nhằm cập nhật và đáp ứng tốt hơn yêu cầu của thị trường lao động.

- Với các ngành Quan hệ quốc tế, Kinh tế quốc tế, Luật quốc tế, Truyền thông quốc tế, Kinh doanh quốc tế, Luật thương mại quốc tế: ngoài các chương trình đào tạo dạy bằng Tiếng Việt, Học viện dành 30 - 50 chỉ tiêu mỗi ngành cho chương trình đào tạo giảng dạy bằng Tiếng Anh. Một số điểm nổi bật của các chương trình đào tạo giảng dạy bằng Tiếng Anh:

- Các học phần được giảng dạy hoàn toàn bằng Tiếng Anh (trừ một số học phần thuộc khối kiến thức lý luận chính trị và pháp luật Việt Nam, học phần Giáo dục thể chất, Năng lực số và Giáo dục quốc phòng - an ninh)
- Đội ngũ giảng viên của chương trình là sự kết hợp giữa các giảng viên Việt Nam được đào tạo bài bản tại các quốc gia sử dụng tiếng Anh và các giảng viên quốc tế giàu kinh nghiệm, mang đến môi trường học tập chuẩn quốc tế, giúp sinh viên không chỉ thành thạo ngôn ngữ mà còn tự tin hội nhập và làm chủ tri thức toàn cầu.
- Lớp học quy mô nhỏ (30 - 50 sinh viên/lớp chuyên ngành, 25 sinh viên/lớp ngoại ngữ).

10.1.2. Đăng ký xét tuyển vào các chương trình đào tạo giảng dạy bằng Tiếng Anh

Sau khi trúng tuyển, sinh viên có nguyện vọng sẽ được đăng ký xét tuyển vào học các chương trình đào tạo giảng dạy bằng Tiếng Anh (tương ứng với ngành đã trúng tuyển).

Điều kiện xét tuyển dựa trên Chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế/Chứng chỉ đánh giá năng lực quốc tế và bài phỏng vấn đầu vào bằng Tiếng Anh (*chi tiết xem Hướng dẫn nhập học*).

10.1.3. **Đội ngũ giảng viên**: Đội ngũ giảng viên của Học viện Ngoại giao hội tụ những trí thức được đào tạo bài bản tại các trường đại học hàng đầu trong nước và trên thế giới, kết hợp hài hòa giữa nền tảng học thuật vững chắc và tư duy quốc tế hiện đại. Không chỉ là những nhà giáo, nhiều giảng viên còn là các nhà ngoại giao dày dạn kinh nghiệm, từng trực tiếp tham gia hoạch định và triển khai các hoạt động đối ngoại, mang đến cho sinh viên những bài học sống động, cập nhật và giàu tính thực tiễn.

Đồng hành cùng sinh viên là đội ngũ cố vấn học tập và giáo viên chủ nhiệm tận tâm, luôn sẵn sàng lắng nghe, định hướng và hỗ trợ kịp thời, giúp mỗi sinh viên xây dựng lộ trình học tập hiệu quả và tự tin lựa chọn con đường nghề nghiệp phù hợp trong môi trường toàn cầu hóa.

10.1.4. Cơ sở vật chất phục vụ hoạt động đào tạo: Giảng đường, phòng học đa năng, đa phương tiện được trang bị thiết bị hiện đại, Thư viện điện tử với nguồn học liệu trong nước và nước ngoài.

10.1.5. Chương trình hỗ trợ học tập

- *Hệ sinh thái hỗ trợ học tập toàn diện, chuyên nghiệp:* Học viện xây dựng một hệ sinh thái hỗ trợ học tập hiện đại với cách thức tổ chức bài bản, nội dung phong phú và giàu tính thực tiễn. Sinh viên thường xuyên được tham gia các tọa đàm chuyên đề cùng các chuyên gia, nhà ngoại giao, diễn giả uy tín trong và ngoài nước; các chương trình tham quan, trải nghiệm thực tế; các hoạt động giao lưu học thuật đa dạng, tạo điều kiện mở rộng tầm nhìn và kết nối quốc tế.

- *Thúc đẩy mạnh mẽ năng lực nghiên cứu và đổi mới sáng tạo:* Sinh viên được khuyến khích và tạo điều kiện tối đa để tham gia nghiên cứu khoa học thông qua hệ thống đề tài, chương trình bồi dưỡng phương pháp nghiên cứu, các hội nghị - hội thảo - diễn đàn khoa học trong nước và quốc tế. Bên cạnh đó là các cuộc thi ý tưởng, dự án khởi nghiệp, các câu lạc bộ học thuật năng động, cùng cơ hội tham gia và hỗ trợ các nghiên cứu chuyên sâu tại các đơn vị uy tín như Viện Biển Đông và Viện Nghiên cứu chiến lược ngoại giao. Tất cả góp phần nuôi dưỡng tư duy phản biện, năng lực sáng tạo và khát vọng học thuật của sinh viên.

- *Không gian học tập toàn cầu rộng mở thông qua hợp tác quốc tế:* Sinh viên có cơ hội trực tiếp tham gia hỗ trợ tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế quy mô lớn tại Việt Nam - nơi hội tụ các nhà hoạch định chính sách, học giả và chuyên gia hàng đầu. Đồng thời, thông qua các chương trình trao đổi học thuật và trao đổi sinh viên với mạng lưới

đối tác quốc tế của Học viện, người học được tiếp cận môi trường học tập đa văn hóa, tích lũy trải nghiệm toàn cầu và nâng cao năng lực hội nhập quốc tế.

10.1.6. Học phần Ngoại ngữ tại Học viện

- Ngoại ngữ 1: là học phần bắt buộc. Sinh viên được lựa chọn một trong các ngoại ngữ sau: tiếng Anh, tiếng Hàn, tiếng Nhật, tiếng Pháp hoặc tiếng Trung Quốc và được xếp lớp theo trình độ (nếu đáp ứng yêu cầu về quy mô lớp học). Sinh viên chưa đáp ứng yêu cầu về trình độ đầu vào phải học bổ sung để nâng cao trình độ Ngoại ngữ 1 với thời lượng cần thiết.

- Ngoại ngữ 2: là học phần tự chọn (có tính vào kết quả học tập). Sinh viên được lựa chọn một trong các ngoại ngữ sau: Tiếng Anh, Tiếng Đức, Tiếng Hàn, Tiếng Nhật, Tiếng Pháp, Tiếng Tây Ban Nha, Tiếng Trung Quốc, Tiếng Nga, Tiếng Lào và được xếp lớp theo trình độ (nếu đáp ứng yêu cầu về quy mô lớp học).

  - Trong trường hợp sinh viên không có nguyện vọng/ không đáp ứng điều kiện học Ngoại ngữ 2, sinh viên cần học bổ sung Ngoại ngữ 1 với thời lượng tương ứng.
  - Sinh viên lựa chọn học Tiếng Lào là Ngoại ngữ 2 sẽ được cấp học bổng trị giá tương đương học phí Ngoại ngữ 2.

- Đối với ngành Ngôn ngữ Anh: Sinh viên học Ngoại ngữ 1 là tiếng Anh, Ngoại ngữ 2 (bắt buộc) là ngoại ngữ khác.

- Đối với ngành Hoa Kỳ học, Hàn Quốc học, Nhật Bản học, Trung Quốc học: Sinh viên học Ngoại ngữ 1 phù hợp với chuyên ngành đã lựa chọn (tiếng Anh, tiếng Hàn, tiếng Nhật hoặc tiếng Trung Quốc). Trường hợp sinh viên có nguyện vọng học Ngoại ngữ 2 cần đóng học phí theo quy định của Học viện và được xếp lớp theo trình độ (nếu đáp ứng yêu cầu về quy mô lớp học).

10.1.7. Chương trình đào tạo song bằng: Sinh viên được đăng ký học chương trình đào tạo thứ hai nếu có nguyện vọng và đáp ứng yêu cầu về học tập. Khi tốt nghiệp, sinh viên được cấp 02 bằng tốt nghiệp, 02 bảng điểm của 02 ngành.

10.1.8. Chương trình hướng nghiệp/ Thực tập

Sinh viên được đồng hành định hướng nghề nghiệp ngay từ những năm đầu theo cách tiếp cận cá nhân hóa, giúp mỗi người hiểu rõ thế mạnh, lựa chọn đúng lĩnh vực và chủ động xây dựng lộ trình phát triển của riêng mình. Không gian cơ hội mà Học viện mở ra không chỉ gói gọn trong lĩnh vực đối ngoại, mà còn lan tỏa sang các lĩnh vực năng động như kinh tế, kinh doanh, luật, truyền thông, phát triển quốc tế…

Thông qua mạng lưới kết nối rộng khắp, sinh viên có cơ hội thực tập tại các cơ quan

trung ương như Bộ Ngoại giao, Bộ Công Thương, các Sở, ban, ngành; đồng thời tiếp cận môi trường làm việc chuyên nghiệp tại các tập đoàn, doanh nghiệp lớn, hãng luật, cơ quan báo chí truyền thông, các Đại sứ quán, tổ chức quốc tế tại Việt Nam và các cơ quan đại diện của Việt Nam ở nước ngoài. Đây không chỉ là trải nghiệm, mà là cánh cửa thật để sinh viên bước vào thị trường lao động ngay từ khi còn trên giảng đường.

Đặc biệt, Học viện chủ động kết nối và ưu tiên giới thiệu những cơ hội việc làm phù hợp với từng chuyên ngành, giúp sinh viên rút ngắn khoảng cách từ đào tạo đến nghề nghiệp. Những sinh viên xuất sắc có cơ hội bước vào các cơ quan trọng yếu của Nhà nước, các tổ chức quốc tế, doanh nghiệp hàng đầu, hoặc trở thành giảng viên, nghiên cứu viên của Học viện.

10.1.9. Chương trình trao đổi sinh viên: Sinh viên có cơ hội tham gia các chương trình trao đổi sinh viên hàng kỳ và ngắn hạn tại các trường đại học đối tác của Học viện như Đại học Sungshin (Hàn Quốc), Đại học Gunma (Nhật Bản), Đại học Wakagama (Nhật Bản), Đại học Laval (Canada), Đại học Chulalongkorn (Thái Lan), Đại học Victoria Wellington (New Zealand), Đại học New South Wales (Úc), Đại học Monash (Úc), ĐH Macquarie (Úc), Đại học Flinders (Úc), Đại học MGIMO (Liên bang Nga), Đại học Khoa học chính trị Sciences Po (Pháp), Đại học MONS (Bỉ), Đại học Fulbright (Việt Nam),...

10.1.10. Cơ hội việc làm: Sinh viên sau khi tốt nghiệp sẽ có cơ hội làm việc tại các Ban, Bộ, ngành; các tổ chức quốc tế; các cơ quan đại diện nước ngoài ở Việt Nam; các hãng thông tấn báo chí; các doanh nghiệp trong và ngoài nước;... (xem chi tiết tại chương trình đào tạo các ngành được đăng tải trên website của Học viện: https://dav.edu.vn/chuong-trinh-dao-tao-dt-dh/)

10.2. Chính sách học phí

Chính sách học phí được Học viện Ngoại giao thực hiện theo Nghị định 238/2025/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 03/09/2025 quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo. Cụ thể:

- Mức học phí dự kiến năm học 2026-2027 của các ngành đào tạo như sau:

STT	Ngành đào tạo	Mức học phí dự kiến (đồng/tháng/sinh viên)
1	Quan hệ quốc tế	5.200.000
2	Ngôn ngữ Anh	5.000.000
3	Kinh tế quốc tế	5.200.000
4	Luật quốc tế	5.100.000
5	Truyền thông quốc tế	5.100.000

STT	Ngành đào tạo	Mức học phí dự kiến (đồng/tháng/sinh viên)
6	Kinh doanh quốc tế	5.200.000
7	Luật thương mại quốc tế	5.100.000
8	Hàn Quốc học	4.775.000
9	Hoa Kỳ học	4.775.000
10	Trung Quốc học	4.775.000
11	Nhật Bản học	4.775.000

- Đối với các ngành Quan hệ quốc tế, Kinh tế quốc tế, Luật quốc tế, Truyền thông quốc tế, Kinh doanh quốc tế và Luật thương mại quốc tế, sinh viên có thể đăng ký theo học **Chương trình giảng dạy bằng tiếng Anh** với mức học phí dự kiến từ 5.900.000 đồng đến 6.500.000 đồng/tháng/sinh viên.

- Học phí đại học chính quy các chương trình đào tạo được thu theo tín chỉ từ học kỳ 2 năm học 2026-2027.

Lưu ý:

- Đối với sinh viên chưa có nền tảng ngoại ngữ, cần học bổ sung tối đa 06 tín chỉ ngoại ngữ tiền cơ sở, tùy theo trình độ đầu vào. Mức học phí nêu trên chưa tính đến các học phần ngoại ngữ tiền cơ sở. Học phí các học phần này sẽ được tính theo số lượng tín chỉ thực học và mức học phí áp dụng đối với các học phần ngoại ngữ khác trong chương trình đào tạo.

- Mức tăng học phí hàng năm (nếu có) của các ngành không vượt quá tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng tại thời điểm xác định mức học phí.

10.3. Chính sách miễn, giảm học phí và học bổng

10.3.1. Chính sách miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên thuộc diện gia đình chính sách

Học viện Ngoại giao thực hiện chính sách miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập cho sinh viên theo quy định tại Nghị định 238/2025/NĐ-CP ngày 03/09/2025 của Chính phủ quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo; Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các cơ sở giáo dục đại học; và Nghị định số 57/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Chính phủ về chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người, một số đối tượng sinh viên sẽ được hỗ trợ chi phí học tập cùng với miễn giảm học phí.

10.3.2. Các chương trình học bổng dành cho sinh viên

Nhằm khuyến khích tinh thần học tập, nghiên cứu và đóng góp cho cộng đồng của sinh viên, Học viện Ngoại giao triển khai nhiều chương trình học bổng dành cho sinh viên có thành tích xuất sắc, cũng như các sinh viên có hoàn cảnh khó khăn, vươn lên trong học tập.

Danh sách các chương trình học bổng đang được triển khai tại Học viện bao gồm:

(i) Học bổng dành cho Thủ khoa đầu vào của Học viện: Trao cho sinh viên có kết quả trúng tuyển cao nhất theo tại *mục 2.2 và 2.4 của Thông tin tuyển sinh* đối với từng ngành đào tạo và nhập học chính thức vào Học viện. Mỗi suất học bổng trị giá 10.000.000 đồng, kèm Giấy khen của Giám đốc Học viện.

(ii) Học bổng Khuyến khích học tập và Rèn luyện: Xét sau mỗi học kỳ, dựa trên kết quả học tập và rèn luyện từ loại Khá trở lên. Học bổng có ba mức (Khá, Giỏi, Xuất sắc), với trị giá tương đương 100% - 120% mức trần học phí/tháng của ngành đào tạo áp dụng theo quy định tại Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/09/2025 của Chính phủ. Học bổng được xét lần lượt từ loại Xuất sắc trở xuống đến hết số suất học bổng đã được xác định dựa trên ngân sách của từng năm học.

(iii) Học bổng Khuyến khích học tập dành cho lưu học sinh Lào: Xét sau mỗi học kỳ, dành cho sinh viên quốc tịch Lào có thành tích học tập xuất sắc tại Học viện.

(iv) Học bổng Khuyến học Nguyễn Cơ Thạch: Dành cho sinh viên có thành tích học tập xuất sắc, có tố chất lãnh đạo và/hoặc nghiên cứu khoa học. Đây là học bổng danh giá của Học viện, được xét chọn theo tiêu chí cao. Giá trị mỗi suất học bổng năm 2025 là 15.000.000 đồng (có thể điều chỉnh theo từng năm).

(v) Học bổng Chắp cánh tương lai: Dành cho sinh viên năm nhất có hoàn cảnh khó khăn và kết quả học tập tốt. Học bổng hỗ trợ một phần chi phí học tập trong năm học đầu tiên. Học viện Ngoại giao sẽ trao tặng 20 suất học bổng, mỗi suất trị giá 80% học phí của năm học đầu tiên.

(vi) Học bổng Thắp sáng Ước mơ: Dành cho sinh viên năm 2, 3, 4 có hoàn cảnh khó khăn, đạt thành tích học tập tốt và thể hiện ý chí vươn lên. Mức học bổng áp dụng trong năm học 2024 - 2025 có giá trị từ 15.000.000 đồng - 30.000.000 đồng tùy theo từng trường hợp. Số suất học bổng được xác định theo ngân sách phân bổ từng năm.

(vii) Học bổng Thủ khoa tốt nghiệp: Dành cho sinh viên tốt nghiệp đợt 1 của mỗi khóa, có điểm trung bình chung tích lũy toàn khóa cao nhất của từng ngành đào tạo, đồng thời đạt kết quả rèn luyện học kỳ cuối cùng từ loại Giỏi trở lên. Mỗi suất học bổng trị giá 10.000.000 đồng, kèm Giấy khen của Giám đốc Học viện.

(viii) Học bổng hữu nghị dành cho lưu học sinh Lào của Học viện Ngoại giao: Dành cho 01 lưu học sinh hệ đại học chính quy mang quốc tịch Lào (sinh sống tại các tỉnh Sạ-vằn-nạ-khệt, Bô-ly-khăm-xay, Khăm Muồn), có thành tích học tập tốt và được giới thiệu từ Tổng Lãnh sứ quán Việt Nam tại Lào.

(ix) Học bổng Hữu nghị Việt - Trung do Đại sứ quán Trung Quốc tại Việt Nam tài trợ: Dành cho sinh viên học Tiếng Trung Quốc có thành tích học tập tốt hoặc sinh viên có hoàn cảnh khó khăn vươn lên trong học tập, với trị giá 10.000.000 đồng/suất.

(x) Học bổng CSR "Chung tay chia sẻ" do Hiệp hội doanh nghiệp Hàn Quốc tại Việt Nam - KOCHAM tài trợ: Dành cho sinh viên có hoàn cảnh khó khăn và kết quả học tập đạt loại Giỏi trở lên, với trị giá là 10.000.000 đồng/suất.

Lưu ý:

- Điều kiện, số lượng và mức học bổng được xác định hằng năm căn cứ vào nguồn kinh phí và quy định hiện hành của Học viện và Nhà nước. Thông tin chi tiết về tiêu chí xét, hồ sơ và thời điểm triển khai từng học bổng sẽ được Học viện thông báo tới sinh viên vào mỗi học kỳ.

- Các học bổng (i), (ii), (iii), (iv), (v), (vi), (vii): được quy định cụ thể trong Quyết định số 35/QĐ-HVNG ngày 11/01/2024 của Giám đốc Học viện.

- Học bổng (viii): được quy định cụ thể trong Quyết định số 1986/QĐ-HVNG ngày 01/11/2024 của Giám đốc Học viện.

- Các học bổng (ix), (x): phụ thuộc vào chính sách tài trợ của đối tác và có thể điều chỉnh theo từng năm.

10.4. Thông tin liên hệ và giải đáp thắc mắc trong quá trình đăng ký dự thi, đăng ký xét tuyển đại học hệ chính quy

Thí sinh muốn biết thêm thông tin tuyển sinh của Học viện Ngoại giao hoặc thông tin về các ngành đào tạo, đề nghị liên hệ: Học viện Ngoại giao, Số 69, Phố Chùa Láng, Phường Láng, Hà Nội.

- Hotline: 0943.482.840 hoặc 0936.018.433
- Email: tuyensinh2026@dav.edu.vn
- Website: https://www.dav.edu.vn
- Fanpage: Tư vấn Tuyển sinh Học viện Ngoại giao

11. Thông tin về tuyển sinh của 2 năm gần nhất

Điểm trúng tuyển năm 2024[12]

Mã xét tuyển	Mã ngành	Tên ngành	Phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển - PTXT 100 và 200						Điểm trúng tuyển - PTXT 412
						A00	*A01, D01, D07*	*D06*	*D03*	*D04*	*C00*	
HQT01	**7310206**	**Quan hệ quốc tế**	100	**460**	386		26.76	25.76	25.76	25.76	28.76	16.92
			200				23.25	22.25	22.25	22.25	24.25	
HQT02	**7220201**	**Ngôn ngữ Anh**	100	**200**	183		35.38					
			200				22.93					
HQT03	**7310106**	**Kinh tế quốc tế**	100	**260**	215	25.47	26.47	25.47	25.47	25.47		
			200			22.55	23.55	22.55	22.55	22.55		
HQT04	**7380108**	**Luật quốc tế**	100	**200**	193		26.55	25.55	25.55	25.55	28.55	20.83
			200				22.36	21.36	21.36	21.36	23.36	
HQT05	**7320107**	**Truyền thông quốc tế**	100	**460**	436		27.05	26.05	26.05	26.05	29.05	18.00
			200				23.74	22.74	22.74	22.74	24.74	
HQT06	**7340120**	**Kinh doanh quốc tế**	100	**260**	217	25.6	26.6	25.6	25.6	25.6		17.58
			200			22.82	23.82	22.82	22.82	22.82		
HQT07	**7380109**	**Luật thương mại quốc tế**	100	**200**	173		26.37	25.37	25.37	25.37	28.37	
			200				22.31	21.31	21.31	21.31	23.31	

[12] *Xem chi tiết công thức tính điểm theo từng phương thức trong Đề án tuyển sinh năm 2024:*

- *Mã PTXT 100: Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT*
- *Mã PTXT 200: Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)*
- *Mã PTXT 412: Kết hợp phỏng vấn với tiêu chí khác để xét tuyển*

Mã xét tuyển	Mã ngành	Tên ngành	Phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển - PTXT 100 và 200						Điểm trúng tuyển - PTXT 412
						A00	*A01, D01, D07*	*D06*	*D03*	*D04*	*C00*	
HQT08	**7310631**	**Châu Á -Thái Bình Dương học**		**160**	149							
HQT08-01		**Hàn Quốc học**	100	**40**	36		26.83				28.83	
			200				22.12				23.12	
HQT08-02		**Hoa Kỳ học**	100	**40**	38		26.55				28.55	
			200				21.94				22.94	
HQT08-03		**Nhật Bản học**	100	**40**	36		26.73	25.73			28.73	
			200				21.93	20.93			22.93	
HQT08-04		**Trung Quốc học**	100	**40**	39		27.2			26.2	29.2	
			200				22.66			21.66	23.66	

Điểm trúng tuyển năm 2025[13]

Mã xét tuyển	Mã ngành	Tên ngành	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển - PTXT 100								Điểm trúng tuyển - PTXT 410 & 415
					A00	*A01, D01, D07, D09, D10*	*D03*	*D04*	*D06*	*DD2*	*D14, D15*	*C00*	
HQT01	**7310206**	**Quan hệ quốc tế**	**460**	411	25.95	25.95	25.95	25.95	25.95	25.95	25.95	28.95	27.8
HQT02	**7220201**	**Ngôn ngữ Anh**	**200**	193		25.28					25.28		27.39

[13] *Xem chi tiết công thức tính điểm theo từng phương thức trong Thông tin tuyển sinh năm 2025:*

- *Mã PTXT 100: Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT*
- *Mã PTXT 410: Kết hợp kết quả học tập cấp THPT với Chứng chỉ quốc tế để xét tuyển*
- *Mã PTXT 415: Sử dụng Chứng chỉ A-level của Trung tâm Khảo thí Đại học Cambridge (Vương quốc Anh) hoặc Bằng tú tài quốc tế IB Diploma đủ điều kiện để xét tuyển*

Mã xét tuyển	Mã ngành	Tên ngành	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển - PTXT 100								Điểm trúng tuyển - PTXT 410 & 415
					A00	*A01, D01, D07, D09, D10*	*D03*	*D04*	*D06*	*DD2*	*D14, D15*	*C00*	
HQT03	**7310106**	**Kinh tế quốc tế**	**260**	231	24.45	24.45	24.45	24.45	24.45	24.45			26.97
HQT04	**7380108**	**Luật quốc tế**	**200**	189	24.95	24.95	24.95	24.95	24.95	24.95	24.95	27.95	27.23
HQT05	**7320107**	**Truyền thông quốc tế**	**460**	428	25.9	25.9	25.9	25.9	25.9	25.9	25.9	28.9	27.77
HQT06	**7340120**	**Kinh doanh quốc tế**	**260**	245	24.75	24.75	24.75	24.75	24.75	24.75			27.13
HQT07	**7380109**	**Luật thương mại quốc tế**	**200**	184	24.7	24.7	24.7	24.7	24.7	24.7	24.7	27.7	27.1
HQT08	**7310631**	**Châu Á -Thái Bình Dương học**	**160**	155									
HQT08-01		**Hàn Quốc học**	**40**	34	25.1	25.1				25.1	25.1	28.1	27.3
HQT08-02		**Hoa Kỳ học**	**40**	39	24.17	24.17					24.17	27.17	26.78
HQT08-03		**Nhật Bản học**	**40**	43	24.43	24.43			24.43		24.43	27.43	26.95
HQT08-04		**Trung Quốc học**	**40**	39	26.09	26.09		26.09			26.09	29.09	27.89

III. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC HỆ LIÊN KẾT QUỐC TẾ

1. Đối tượng, điều kiện dự tuyển

- Tốt nghiệp chương trình THPT ở Việt Nam; hoặc tốt nghiệp chương trình THPT của nước ngoài (đã được nước sở tại cho phép thực hiện, đạt trình độ tương đương trình độ THPT của Việt Nam) ở nước ngoài hoặc ở Việt Nam;

- Có Chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế còn giá trị sử dụng tính đến ngày nộp hồ sơ xét tuyển (Đạt IELTS Academic từ 5.5 trở lên (không có kỹ năng nào dưới 5.0) hoặc TOEFL iBT từ 46 trở lên) hoặc các chứng chỉ tương đương khác.

2. Mô tả phương thức tuyển sinh

Phương thức xét tuyển: Đánh giá hồ sơ và phỏng vấn.

3. Điểm xét tuyển

- Điểm xét tuyển bao gồm:

(1) Điểm Phỏng vấn;

(2) Điểm bài luận;

(3) Điểm Chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế (quy đổi).

- Công thức tính điểm xét tuyển: Điểm xét tuyển = M1 + M2 + M3

Trong đó: M1: là điểm Phỏng vấn (50%).

M2: là điểm bài luận (20%).

M3: là điểm Chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế (quy đổi) (30%).

- Điểm xét tuyển được tính trên thang điểm 30, cụ thể như sau:

Điểm xét tuyển = [(M1 x 50%) + (M2 x 20%) + (M3 x 30%)] x 3

Thí sinh sẽ được xét theo thứ tự từ cao xuống thấp đến khi đạt đủ chỉ tiêu.

Bảng quy đổi Chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế

Chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế		**Quy đổi theo thang điểm 10**
IELTS	**TOEFL iBT**	
5.5	46 - 59	7.5
6.0	60 - 78	8.0
6.5	79 - 93	8.5
7.0	94 - 101	9.0

Chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế		Quy đổi theo thang điểm 10
IELTS	**TOEFL iBT**	
7.5	102 - 109	9.5
8.0	110 - 114	10
8.5	115 - 117	10
9.0	118 - 120	10

***Lưu ý**: Nếu thí sinh có các Chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế không được liệt kê ở trên, Hội đồng tuyển sinh sẽ xem xét và quyết định.*

4. Chỉ tiêu tuyển sinh

TT	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Tên ngành	Chỉ tiêu
1.	Chương trình liên kết với ĐH Victoria Wellington (New Zealand)	Ngành Quan hệ quốc tế, ngành Khoa học chính trị, ngành Truyền thông	25
2.	Chương trình liên kết với ĐH Monash (Úc); ĐH Macquarie (Úc)	Chuyên ngành Kinh doanh quốc tế	35
3.	Chương trình liên kết với ĐH Monash (Úc); ĐH Macquarie (Úc)	Ngành Truyền thông	30
4	Chương trình liên kết với ĐH Flinders (Úc)	Ngành Ngôn ngữ	10

5. Tổ chức tuyển sinh

5.1. Thời gian nhận hồ sơ và xét tuyển

- Thời gian nhận hồ sơ: Từ ngày 15/04/2026 đến ngày 15/06/2026.
- Thời gian công bố kết quả: Dự kiến trước ngày 20/07/2026.

***Lưu ý:** Thời gian nhận hồ sơ các đợt tiếp theo sẽ công bố sau ngày 21/07/2026.*

5.2. Thời gian nhập học dự kiến

- Đợt 1: Tháng 09/2026 (đợt 1)
- Đợt bổ sung (nếu có): Tháng 01/2027 và tháng 05/2027.

5.3. Quy trình nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển

Bước 1: Chuẩn bị hồ sơ, gồm có:

- Phiếu đăng ký xét tuyển vào Chương trình liên kết đào tạo năm 2026 theo mẫu của Học viện Ngoại giao ***tại đây***;
- Bài luận dự tuyển.
- Bản sao chứng thực:
  - Chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế;
  - Học bạ THPT hoặc kết quả học tập THPT có xác nhận của trường THPT (nếu chưa có học bạ THPT);
  - Bằng tốt nghiệp THPT (nếu có): Trường hợp thí sinh tốt nghiệp tại các trường THPT nước ngoài hoặc các trường quốc tế tại Việt Nam, bằng tốt nghiệp phải được công nhận bởi cơ quan có thẩm quyền.

Bước 2: Nộp trực tiếp trong giờ hành chính (sáng: 08h30 - 11h30, chiều: từ 14h00 - 17h00) tại phòng 419, nhà D, Học viện Ngoại giao hoặc gửi hồ sơ bằng đường bưu điện từ ngày 15/04/2026 đến trước 17h00 ngày 15/06/2026 (tính theo dấu bưu điện) đến địa chỉ: Chương trình liên kết đào tạo, Học viện Ngoại giao, Số 69, Phố Chùa Láng, Quận Đống Đa, Hà Nội.

- Hotline: 0339 866 406 - 0904 509 769
- Email: lienketdaotaohvng@dav.edu.vn
- Fanpage: Chương trình liên kết đào tạo - Học viện Ngoại giao

6. Lệ phí xét tuyển, thi tuyển

- Mức thu lệ phí: 500.000 đồng (Năm trăm ngàn đồng)
- Phương thức thu lệ phí: Chuyển khoản qua tài khoản
  - Tên tài khoản: Học viện Ngoại giao
  - Số tài khoản: 2611366868
  - Nội dung chuyển khoản: **Họ và tên thí sinh.cccd.lephixettuyen.lkdt** (*Thí sinh cần ghi đúng nội dung cú pháp nộp tiền như hướng dẫn để tránh sai sót khi tra soát hồ sơ)*

    Ví dụ: Nguyễn Văn A.123456789.lephixettuyen.lkdt

*** *Lưu ý***: Thí sinh cần gửi kèm trong hồ sơ chứng từ chuyển khoản ngân hàng (nếu nộp qua quầy giao dịch ngân hàng) hoặc bản in chụp màn hình chuyển khoản lệ phí xét tuyển.

7. Việc Học viện thực hiện các cam kết đối với thí sinh

Học viện cam kết bảo vệ quyền lợi hợp pháp, chính đáng của thí sinh trong trường hợp phát sinh rủi ro theo pháp luật hiện hành, Quy chế tuyển sinh của Bộ GDĐT và của Học viện.

8. Các nội dung khác

8.1. Văn bằng

- Bằng Cử nhân Quan hệ quốc tế, Cử nhân Khoa học Chính trị, Cử nhân Truyền thông do trường Đại học Victoria Wellington (New Zealand) cấp.

- Bằng Cử nhân Kinh doanh (chuyên ngành Kinh doanh quốc tế), Cử nhân Truyền thông do Đại học Monash (Úc) cấp.

- Bằng Cử nhân Thương mại (chuyên ngành Kinh doanh quốc tế), Cử nhân Truyền thông do trường Đại học Macquarie (Úc) cấp.

- Bằng Cử nhân Ngôn ngữ (chuyên ngành Ngôn ngữ Anh) do trường Đại học Flinders (Úc) cấp.

Sinh viên Chương trình liên kết được cấp bằng Cử nhân quốc tế hoàn toàn giống như sinh viên học toàn thời gian tại Đại học Victoria Wellington, Đại học Monash, Đại học Macquarie và Đại học Flinders và được công nhận toàn cầu.

8.2. Học phí

8.2.1. Chương trình liên kết với Đại học Victoria Wellington (New Zealand)

- Học viện Ngoại giao (1,5 năm): 19.200.000 đồng/1 môn x 9 môn = 172.800.000 đồng.

- Đại học Victoria Wellington (1,5 năm): 5,891.7 NZD/1 môn x 9 môn = 53,025.3 NZD ~ 816.589.620 đồng.

8.2.2. Chương trình liên kết với ĐH Monash (Úc)

- Cử nhân Kinh doanh (chuyên ngành Kinh doanh quốc tế):

  - Học viện Ngoại giao (01 năm): 17.500.000 đồng/1 môn x 10 môn = 175.000.000 đồng.

- Đại học Monash (02 năm): 6,987.5 AUD/1 môn x 16 môn = 111,800 AUD ~ 1.900.600.000 đồng.

- Cử nhân Truyền thông:

- Học viện Ngoại giao (1,5 năm): 17.500.000 đồng/1 môn x 13 môn = 227.500.000 đồng
- Đại học Monash (1,5 năm): 5,637.5 AUD/1 môn x 12 môn = 67,650 AUD ~ 1.150.050.000 đồng.

8.2.3. Chương trình liên kết với ĐH Macquarie (Úc)

- Cử nhân Thương mại (chuyên ngành Kinh doanh quốc tế):

- Học viện Ngoại giao (01 năm): 17.500.000 đồng/1 môn x 10 môn = 175.000.000 đồng.
- Đại học Macquarie (02 năm): 5,862.5 AUD/1 môn x 16 môn = 93.800 AUD ~ 1.594.600.000 đồng.

- Ngành Truyền thông:

- Học viện Ngoại giao (1,5 năm): 17.500.000 đồng/1 môn x 13 môn = 227.500.000 đồng
- Đại học Macquarie (1,5 năm): 5,250 AUD/1 môn x 12 môn = 63,000 AUD ~ 1.071.000.000 đồng.

8.2.4. Chương trình liên kết với ĐH Flinders (Úc)

- Học viện Ngoại giao (1 năm): 11.025.000 đồng/1 môn x 8 môn = 88.200.000 đồng.

- Đại học Flinders (2 năm): 4,437.5 AUD/1 môn x 16 môn = 71.000 AUD ~ 1.207.000.000 đồng.

Lưu ý: Tỷ giá có thể thay đổi khi sinh viên chuyển tiếp, tỷ giá tạm quy đổi: (1NZD ~15.400 VND; 1 AUD ~ 17.000 VND).

9. Thông tin liên hệ

- Địa chỉ trang thông tin điện tử: https://jtp.dav.edu.vn/
- Hotline: 0339 866 406 - 0904 509 769
- Email: lienketdaotaohvng@dav.edu.vn
- Fanpage: Chương trình liên kết đào tạo - Học viện Ngoại giao

10. Thông tin về tuyển sinh của 2 năm gần nhất

TT	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Tên ngành, nhóm ngành	Phương thức tuyển sinh	Năm 2025			Năm 2024		
				Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/ Thang điểm xét	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/ Thang điểm xét
1	Chương trình liên kết với ĐH Victoria Wellington (New Zealand)	Quan hệ quốc tế, Khoa học chính trị, Truyền thông	Đánh giá hồ sơ và phỏng vấn	25	16	18/30	30	24	18/30
2	Chương trình liên kết với ĐH Monash (Úc); ĐH Macquarie (Úc)	Chuyên ngành Kinh doanh quốc tế		30	30	18/30	30	18	18/30
3	Chương trình liên kết với ĐH Monash (Úc); ĐH Macquarie (Úc)	Truyền thông		35	21	18/30	40	25	18/30
4	Chương trình liên kết với ĐH Flinders (Úc)	Ngôn ngữ		10	3	18/30			

Cán bộ tuyển sinh:
**Hệ đại học chính quy:*
- ThS. Trần Thị Linh Đa
- SĐT: 0943.482.840
- Email: tuyensinh2026@dav.edu.vn

**Hệ đại học liên kết quốc tế:*
- ThS. Nguyễn Minh Thu
- SĐT: 0339.866.406
- Email: lienketdaotaohvng@dav.edu.vn

Hà Nội, ngày 18 tháng 05 năm 2026

GIÁM ĐỐC
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

BỘ NGOẠI GIAO
HỌC VIỆN NGOẠI GIAO

TS. Nguyễn Hùng Sơn